

PHỤ LỤC

Khung giá cho thuê nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số 48/2026/QĐ-UBND ngày 20/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Khung giá cho thuê nhà ở xã hội			
STT	Loại nhà	Giá cho thuê 1m ² sử dụng căn hộ (căn nhà)/1 tháng	
		Tối thiểu (đồng)	Tối đa (đồng)
1	Nhà ở riêng lẻ 1 tầng, căn hộ khép kín, kết cấu tường gạch chịu lực, mái tôn	27.000	112.100
2	Nhà ở riêng lẻ 1 tầng, căn hộ khép kín, kết cấu tường gạch chịu lực, mái BTCT đổ tại chỗ	27.800	115.300
3	Nhà ở riêng lẻ 2 tầng, Khung chịu lực BTCT, tường xây gạch, sàn, mái BTCT đổ tại chỗ không có tầng hầm	35.000	145.300
4	Chung cư ≤ 5 tầng (không có tầng hầm)	38.200	158.300
5	Chung cư ≤ 5 tầng có 1 tầng hầm	43.200	179.000
6	Chung cư 5 < số tầng ≤ 7 không có tầng hầm	42.400	175.700
7	Chung cư 5 < số tầng ≤ 7 có 1 tầng hầm	45.100	186.900
8	Chung cư 7 < số tầng ≤ 10 không có tầng hầm	43.500	180.600
9	Chung cư 7 < số tầng ≤ 10 có 1 tầng hầm	45.400	188.300
10	Chung cư 10 < số tầng ≤ 15 không có tầng hầm	45.400	188.500
11	Chung cư 10 < số tầng ≤ 15 có 1 tầng hầm	46.600	193.400
12	Chung cư 15 < số tầng ≤ 20 không có tầng hầm	50.200	208.400
13	Chung cư 15 < số tầng ≤ 20 có 1 tầng hầm	50.900	211.200
II. Khung giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp			
STT	Loại nhà	Giá cho thuê 1m ² sử dụng căn hộ (căn nhà)/1 tháng	
		Tối thiểu (đồng)	Tối đa (đồng)
1	Chung cư ≤ 5 tầng (không có tầng hầm)	38.200	158.300
2	Chung cư ≤ 5 tầng có 1 tầng hầm	43.200	179.000
3	Chung cư 5 < số tầng ≤ 7 không có tầng hầm	42.400	175.700
4	Chung cư 5 < số tầng ≤ 7 có 1 tầng hầm	45.100	186.900